

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
đã được kiểm toán*

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 34</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần VINAM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thực phẩm.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch tại: Số nhà 182 đường Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2016
Bà Đinh Thị Kim Dung	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Thành Long	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

#### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quang Thắng	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2016
Ông Phạm Thế Anh	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Giám đốc	
Bà Phạm Thu Huyền	Kế toán trưởng	

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Nguyễn Quang Thắng**

Số : 154/2017/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Cổ phần VINAM, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

- Khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán số tiền 14.678.544.000 đồng chiếm tỷ lệ 43,82% vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu. Chúng tôi đã không được tiếp cận với với thông tin tài chính và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu. Do vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh việc trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư nêu trên hay không.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VINAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.779.447.442</b>	<b>3.779.819.777</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.550.823.936</b>	<b>7.834.386</b>
1.	Tiền	111	V.01	2.550.823.936	7.834.386
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.694.197.158</b>	<b>307.032</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		3.841.915.242	307.032
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(147.718.084)	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.391.267.739</b>	<b>3.767.064.541</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	20.890.187.566	2.663.529.026
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	514.961.371
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	2.500.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.072.177.581	2.774.135.725
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(3.071.097.408)	(2.185.561.581)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>143.158.609</b>	<b>4.613.818</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		143.158.609	4.613.818
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.678.544.000</b>	<b>18.974.183.046</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>3.988.247.339</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	1.488.247.339
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	-	2.500.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>307.391.707</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	57.391.707
	- Nguyên giá	222		-	669.994.286
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	(612.602.579)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	250.000.000
	- Nguyên giá	228		-	250.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>33.678.544.000</b>	<b>14.678.544.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.678.544.000	14.678.544.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.000.000.000	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>62.457.991.442</b>	<b>22.754.002.823</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.591.056.061</b>	<b>640.332.342</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.591.056.061</b>	<b>640.332.342</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	8.071.713.960	273.057.327
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	95.872.039	32.193.144
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	311.139.241	289.988.915
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	32.067.237.865	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>	<b>21.866.935.381</b>	<b>22.113.670.481</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>21.866.935.381</b>	<b>22.113.670.481</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.428.965.214)	(13.182.230.114)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(13.182.230.114)	(13.514.698.456)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(246.735.100)	332.468.342
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>62.457.991.442</b>	<b>22.754.002.823</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Quang Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	11.264.288.280	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.264.288.280	-
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	10.311.921.674	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		952.366.606	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.090.385.740	36.974
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	147.947.584	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.099.176.874	(316.097.578)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(204.372.112)	316.134.552
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	237.223.334	16.333.790
12.	Chi phí khác	32	VI.06	279.586.322	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(42.362.988)	16.333.790
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(246.735.100)	332.468.342
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(246.735.100)	332.468.342
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(76)	102
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(76)	102

Người lập biểu



Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Phạm Thu Huyền



Nguyễn Quang Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.862.954.223	222.219.036
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.354.898.120)	(302.694.600)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(312.000.000)	(262.000.000)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		473.958.334	6.633.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(247.309.250)	(1.650.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>422.705.187</b>	<b>4.640.524.436</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		24.000.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.987.212.862)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.308.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.259.360	36.974
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29.946.953.502)</b>	<b>(3.307.963.026)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		33.673.788.480	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.606.550.615)	(1.331.365.493)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>32.067.237.865</b>	<b>(1.331.365.493)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.542.989.550</b>	<b>1.195.917</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.834.386</b>	<b>6.638.469</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>2.550.823.936</b>	<b>7.834.386</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Linh

Phạm Thu Huyền

Nguyễn Quang Thắng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2016**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thực phẩm.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty liên kết:

<b>Tên Công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Số nhà 557, đường Trần Hưng Đạo, Tổ 6, phường Đoàn Kết, thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính. Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

### **03. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

### **06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### 09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, bán trong năm.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	76.927.578	2.285.401
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.473.896.358	5.548.985
<b>Cộng</b>	<b>2.550.823.936</b>	<b>7.834.386</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
 số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

a. Chứng khoán kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (147.718.084)	Giá gốc	Giá trị hợp lý 429.000
- Tổng giá trị cổ phiếu	3.841.915.242	3.897.881.000	307.032	429.000
+ Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận	-	-	307.032	429.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	785.953.164	736.588.000	-	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	413.118.750	410.000.000	-	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	434.651.000	414.000.000	-	-
+ Các khoản đầu tư khác	2.208.192.328	2.337.293.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.841.915.242</b>	<b>3.897.881.000</b>	<b>307.032</b>	<b>429.000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% sở hữu	Giá trị hợp lý	% quyền biểu quyết	Giá gốc
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	43,82%	14.678.544.000	20%	14.678.544.000
- Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Việt		19.000.000.000		
<b>Cộng</b>		<b>33.678.544.000</b>		<b>14.678.544.000</b>

(\*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định bằng giá trị sổ sách do không có cơ sở xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>20.890.187.566</b>	<b>2.663.529.026</b>
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ Nông sản Thanh Thủy	-	265.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding (XNK Phục Hưng)	324.438.726	324.438.726
- Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	2.768.990.300	2.074.090.300
- Công ty TNHH 779 Sông Hồng	8.922.721.840	-
- Ông Trần Việt Hải	8.050.000.000	-
- Phải thu khách hàng khác	824.036.700	-
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	<b>1.488.247.339</b>
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	-	793.347.339
- Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	-	694.900.000
<b>Cộng</b>	<b>20.890.187.566</b>	<b>4.151.776.365</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
 số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Phải thu ngắn hạn khác</i>	2.500.000.000	-	-	-
- Ông Phạm Văn Minh	2.500.000.000	-	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	2.500.000.000	-
- Ông Phạm Văn Minh	-	-	2.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>

**05. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Phải thu ngắn hạn khác</i>	2.072.177.581	(75.000.000)	2.774.135.725	(123.007.900)
- Tạm ứng	-	-	2.377.169.491	-
- Phải thu khác	2.072.177.581	(75.000.000)	396.966.234	(123.007.900)
+ Ông Lê Gia Linh (*)	253.227.342	(75.000.000)	-	-
+ Ông Nguyễn Quang Trung (*)	798.414.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Văn Sáng (*)	514.245.377	-	-	-
+ Ông Phạm Đình Tuấn (*)	470.291.826	-	73.958.334	-
+ Các khoản phải thu khác (*)	35.999.036	-	323.007.900	(123.007.900)
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.072.177.581</b>	<b>(75.000.000)</b>	<b>2.774.135.725</b>	<b>(123.007.900)</b>

(\*): Là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên. Tuy nhiên, đến tại ngày 31/12/2016 các cá nhân này đã nghỉ việc tại Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty Cổ phần TTP Việt Nam	2.768.990.300	-	2.074.090.300	526.497.990
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	-	-	514.961.371	-
+ Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding	324.438.726	97.331.618	-	-
+ Đối tượng khác	250.000.000	175.000.000	123.007.900	-
<b>Cộng</b>	<b>3.343.429.026</b>	<b>272.331.618</b>	<b>2.712.059.571</b>	<b>526.497.990</b>

**Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:**

Đối tượng	Số đầu năm	Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
		Số trích lập	Số xóa nợ	Số hoàn nhập	Số hoàn nhập	
+ Công ty Cổ phần TTP Việt Nam (Trước đây là Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát)	1.547.592.310	1.221.397.990	-	-	-	2.768.990.300
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	514.961.371	-	514.961.371	-	-	-
+ Công ty cổ phần xây dựng Phục Hưng Holding	123.007.900	227.107.108	-	-	-	227.107.108
+ Đối tượng khác	-	75.000.000	116.299.000	6.708.900	-	75.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.185.561.581</b>	<b>1.523.505.098</b>	<b>631.260.371</b>	<b>6.708.900</b>	<b>6.708.900</b>	<b>3.071.097.408</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	669.994.286	-	669.994.286
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(669.994.286)	-	(669.994.286)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	612.602.579	-	612.602.579
- Khấu hao trong năm	44.285.310	-	44.285.310
- Thanh lý, nhượng bán	(643.872.161)	-	(643.872.161)
- Giảm khác	(13.015.728)	-	(13.015.728)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	57.391.707	-	57.391.707
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	250.000.000	-	250.000.000
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	(250.000.000)	-	(250.000.000)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	250.000.000	-	250.000.000
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**  
 số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>33.673.788.480</b>	<b>1.606.550.615</b>	<b>32.067.237.865</b>	<b>32.067.237.865</b>
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-	<b>33.673.788.480</b>	<b>1.606.550.615</b>	<b>32.067.237.865</b>	<b>32.067.237.865</b>
Vay tổ chức (**)	-	-	<b>345.870.980</b>	<b>6.550.615</b>	<b>339.320.365</b>	<b>339.320.365</b>
+ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	<b>345.870.980</b>	<b>6.550.615</b>	<b>339.320.365</b>	<b>339.320.365</b>
<b>Vay cá nhân(*)</b>	-	-	<b>33.327.917.500</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>31.727.917.500</b>	<b>31.727.917.500</b>
+ Ông Bùi Việt Anh	-	-	<b>4.000.000.000</b>	-	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
+ Ông Dương Bình Minh	-	-	<b>5.000.000.000</b>	-	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
+ Ông Nguyễn Trường Ka	-	-	<b>4.000.000.000</b>	-	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
+ Ông Nguyễn Thành Long	-	-	<b>4.108.000.000</b>	-	<b>4.108.000.000</b>	<b>4.108.000.000</b>
+ Bà Trần Thị Sơn	-	-	<b>5.500.000.000</b>	-	<b>5.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
+ Ông Trần Việt Hải	-	-	<b>4.229.917.500</b>	<b>500.000.000</b>	<b>3.729.917.500</b>	<b>3.729.917.500</b>
+ Vay cá nhân khác	-	-	<b>6.490.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>5.390.000.000</b>	<b>5.390.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>33.673.788.480</b>	<b>1.606.550.615</b>	<b>32.067.237.865</b>	<b>32.067.237.865</b>

(\*) : Khoản vay Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS) theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ ngày 21 tháng 10 năm 2016 mục đích để mua chứng khoán trên TKKQ. Lãi suất được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo ngày, tháng (cơ sở 30 ngày/tháng) hoặc theo năm (360 ngày/năm) được áp dụng từng thời kỳ do VPBS quy định.

(\*\*): Các khoản vay cá nhân với lãi suất 0%/năm, các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.071.713.960</b>	<b>8.071.713.960</b>	<b>273.057.327</b>	<b>273.057.327</b>
- Công ty TNHH Phú Tài Lộc	-	-	234.893.483	234.893.483
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dầu tư An Bình	8.049.713.960	8.049.713.960	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	22.000.000	22.000.000	38.163.844	38.163.844
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>8.071.713.960</b>	<b>8.071.713.960</b>	<b>273.057.327</b>	<b>273.057.327</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số tiền phải nộp Nhà nước
- Thuế giá trị gia tăng	-	28.760.831	-	-	28.760.831
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.432.313	-	-	3.432.313
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	63.678.895	-	63.678.895
<b>Cộng</b>	-	<b>32.193.144</b>	<b>66.678.895</b>	<b>3.000.000</b>	<b>95.872.039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>311.139.241</i>	<i>289.988.915</i>
- Kinh phí công đoàn	-	74.382.615
- Bảo hiểm xã hội	188.633.147	140.251.346
- Bảo hiểm y tế	31.489.590	24.950.119
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.454.880	3.095.585
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.561.624	47.309.250
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>311.139.241</b>	<b>289.988.915</b>

**13. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>(13.514.698.456)</b>	<b>21.781.202.139</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	332.468.342	332.468.342
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>(13.182.230.114)</b>	<b>22.113.670.481</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>(13.182.230.114)</b>	<b>22.113.670.481</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(246.735.100)	(246.735.100)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>195.900.595</b>	<b>(13.428.965.214)</b>	<b>21.866.935.381</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.900.595</b>	<b>195.900.595</b>

**09. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	514.961.371
- Đối tượng khác	116.299.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	11.264.288.280	-
<b>Cộng</b>	<b>11.264.288.280</b>	-

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.311.921.674	-
<b>Cộng</b>	<b>10.311.921.674</b>	-

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.259.360	36.974
- Lãi bán các khoản đầu tư	1.057.702.380	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.424.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.090.385.740</b>	<b>36.974</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	229.500	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	147.718.084	-
<b>Cộng</b>	<b>147.947.584</b>	-

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý nợ không phải trả	83.333.477	-
- Các khoản thu nhập khác	153.889.857	16.333.790
<b>Cộng</b>	<b>237.223.334</b>	<b>16.333.790</b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.122.125	-
- Các khoản phạt theo biên bản thanh tra thuế	66.168.828	-
- Khấu hao máy móc, thiết bị không phục vụ hoạt động SXKD	44.285.310	-
- Chi phí khác	167.010.059	-
<b>Cộng</b>	<b>279.586.322</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>2.099.176.874</b>	<b>981.017.422</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	320.768.500	262.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	96.903.980
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	1.516.796.198	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.612.176	57.770.782
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	561.342.660
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	-	-
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	<b>(1.297.115.000)</b>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.297.115.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.099.176.874</u></b>	<b><u>(316.097.578)</u></b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(246.735.100)	332.468.342
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(246.735.100)	332.468.342
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.250.000	3.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(76)</u></b>	<b><u>102</u></b>

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(246.735.100)	332.468.342
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(246.735.100)	332.468.342
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	3.250.000	3.250.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(76)</u></b>	<b><u>102</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	320.768.500	262.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	96.903.980
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.516.796.198	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.612.176	57.770.782
- Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	564.342.660
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		(1.297.115.000)
<b>Cộng</b>	<u><b>2.099.176.874</b></u>	<u><b>(316.097.578)</b></u>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ban điều hành</b>		
- Tạm ứng	672.196.000	1.450.000.000
+ Ông Nguyễn Thành Long	210.000.000	1.450.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Sáng	462.196.000	-
- Hoàn tiền tạm ứng	755.253.252	1.721.000.000
+ Ông Nguyễn Thành Long	210.000.000	1.721.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Sáng	545.253.252	
- Vay ngắn hạn	1.700.000.000	
+ Ông Nguyễn Quang Thắng	1.700.000.000	-
- Trả gốc vay	600.000.000	
+ Ông Nguyễn Quang Thắng	600.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ban điều hành</b>		
- Tạm ứng	514.245.377	2.047.302.629
+ Ông Nguyễn Thành Long	-	1.450.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Sáng	514.245.377	597.302.629
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>514.245.377</u></b>	<b><u>2.047.302.629</u></b>

- Vay ngắn hạn	1.100.000.000	-
+ Ông Nguyễn Quang Thắng	1.100.000.000	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>1.100.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	147.600.000	119.545.455
<b>Cộng</b>	<b><u>147.600.000</u></b>	<b><u>119.545.455</u></b>

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Trần Việt Hải	Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Việt

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ông Trần Việt Hải</b>		
+ Bán cổ phiếu	8.050.000.000	-
+ Vay ngắn hạn	4.229.917.500	-
+ Trả nợ vay ngắn hạn	500.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính các công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ông Trần Việt Hải</b>		
+ Phải thu khách hàng	8.050.000.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>8.050.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

<b>Ông Trần Việt Hải</b>		
+ Vay ngắn hạn	3.729.917.500	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>3.729.917.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót****Các sai sót:**

Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu do sai sót kế toán từ năm 2013 trở về trước và điều chỉnh số liệu sau khi có kết quả kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân Hà Nội.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>22.206.155.842</b>	<b>18.974.183.046</b>	<b>(3.231.972.796)</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7.220.220.135</b>	<b>3.988.247.339</b>	<b>(3.231.972.796)</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.720.220.135	1.488.247.339	(3.231.972.796)	(*)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>25.985.975.619</b>	<b>22.754.002.823</b>	<b>(3.231.972.796)</b>	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>3.208.462.662</b>	<b>640.332.342</b>	<b>(2.568.130.320)</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>3.208.462.662</b>	<b>640.332.342</b>	<b>(2.568.130.320)</b>	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.600.323.464	32.193.144	(2.568.130.320)	(**)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>22.777.512.957</b>	<b>22.113.670.481</b>	<b>(663.842.476)</b>	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(12.518.387.638)	(13.182.230.114)	(663.842.476)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước (*)	421a	(12.850.855.980)	(13.514.698.456)	(663.842.476)	(***)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>25.985.975.619</b>	<b>22.754.002.823</b>	<b>(3.231.972.796)</b>	

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 không ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót.

(\*): Là khoản điều chỉnh nợ phải thu theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam về việc giảm giá thanh lý tài sản cố định từ năm 2013 số tiền 2.396.872.796 đồng và Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2016 về việc điều chỉnh giảm nợ phải thu về bán quặng từ năm 2010 và năm 2011 số tiền 835.100.000 đồng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Sinh Phát (nay là Công ty Cổ phần TTP Việt Nam).

(\*\*): Là các khoản điều chỉnh do sai sót về hạch toán kế toán từ năm 2013 trở về trước. Cụ thể:

- Thuế GTGT giảm	Năm nay
- Thuế TNDN giảm	483.493.458
- Thuế TNCN giảm	2.077.231.110
<b>Cộng</b>	<b>7.405.752</b>
	<b>2.568.130.320</b>

(\*\*\*): Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

- Tăng do điều chỉnh giảm các khoản thuế phải nộp	Năm nay
- Giảm do điều chỉnh giảm khoản phải thu của Công ty Cổ phần TTP Việt Nam	2.568.130.320
<b>Cộng</b>	<b>(3.231.972.796)</b>
	<b>(663.842.476)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Thông tin về bộ phận****Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là bán hàng hóa

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại: Hoạt động bán hàng hóa;
- Hoạt động tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dịch vụ</u>	<u>Hoạt động tài chính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm 2016</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.264.288.280	1.090.385.740	12.354.674.020
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	12.222.172.630	336.873.503	12.559.046.132
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(957.884.350)	753.512.237	(204.372.112)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>			
- Tài sản bộ phận	20.014.851.312	39.892.316.194	59.907.167.506
- Tài sản không phân bổ			2.550.823.936
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.014.851.312</b>	<b>39.892.316.194</b>	<b>62.457.991.442</b>
- Nợ phải trả bộ phận	37.279.681.248	2.888.031.408	40.167.712.656
- Nợ phải trả không phân bổ			423.343.405
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>37.279.681.248</b>	<b>2.888.031.408</b>	<b>40.591.056.061</b>

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Số cuối năm	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.550.823.936	-	7.834.386	7.834.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.962.365.147	(3.071.097.408)	5.437.664.751	(2.185.561.581)
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.841.915.242	(147.718.084)	307.032	307.032
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.855.104.325</b>	<b>(3.218.815.492)</b>	<b>7.945.806.169</b>	<b>(2.185.561.581)</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	8.071.713.960	273.057.327	8.071.713.960	273.057.327
Vay và nợ	32.067.237.865	-	32.067.237.865	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	86.561.624	47.309.250	86.561.624	47.309.250
<b>Cộng</b>	<b>40.225.513.449</b>	<b>320.366.577</b>	<b>40.225.513.449</b>	<b>320.366.577</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	8.071.713.960	-	-	8.071.713.960
Vay và nợ	32.067.237.865	-	-	32.067.237.865
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	86.561.624	-	-	86.561.624
<b>Cộng</b>	<b>40.225.513.449</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.225.513.449</b>
<b>Số đầu năm</b>				-
Phải trả cho người bán	273.057.327	-	-	273.057.327
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	47.309.250	-	-	47.309.250
<b>Cộng</b>	<b>320.366.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>320.366.577</b>

### 08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

số 23, ngõ 26B Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do sai sót kế toán từ năm 2013 trở về trước và điều chỉnh số liệu sau khi có kết quả kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội.

## **10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Linh**

**Kế toán trưởng**



**Phạm Thu Huyền**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

**Giám đốc**



**Nguyễn Quang Thắng**